TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2019/DS-ST
Ngày: 26/8/2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng dân sự - cấp tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Mỹ Hạnh

2. Ông Nguyễn Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự - cấp tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2832/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3106/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A;

Địa chỉ trụ sở: Đường M, phường N, quận O, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ Chi nhánh L: đường P, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1990; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 130/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 14/3/2019) (có mặt);

Địa chỉ cư trú: đường D, phường E, quận F, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1972 (vắng mặt) ;

Địa chỉ cư trú: đường G, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản khai người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/6/2014 ông B có ký Hợp đồng tín dụng số 20140626-500000-0019 với Ngân hàng A (Ngân hàng) vay số tiền 21.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 32.733.000 đồng trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng, 17 tháng đầu trả mỗi tháng số tiền 1.797.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.184.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng; bắt đầu thanh toán từ ngày 01/8/2014.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân và ông B đã nhận đủ số tiền 21.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.094.000 đồng; từ ngày 07/5/2015 cho đến nay ông B không thanh toán tiền mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần.

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 24.639.000 đồng; trong đó tiền gốc là 17.976.068 đồng và tiền lãi là 6.662.932 đồng.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên Tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn khai trong số tiền 21.000.000 đồng, Ngân hàng giải ngân cho ông B vay là 20.000.000 đồng và mua bảo hiểm cho ông B là 1.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh của số tiền 20.000.000 đồng là 10.796.000 đồng; ông B đã trả được 8.094.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.023.932 đồng và lãi là 6.070.068 đồng; ông B còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 17.976.068 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 17.976.068 đồng; Ngân hàng rút yêu cầu đòi ông B thanh toán tiền cho vay mua bảo hiểm là 1.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh còn nợ.

Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo luật định. Bị đơn thường xuyên vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nhận thấy, sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã thỏa thuận, tuy nhiên phía bị đơn không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 17.976.068 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi và tiền mua bảo hiểm xét không trái pháp luật nên cần đình chỉ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền nợ gốc là 17.976.068 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền lãi và tiền mua bảo hiểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng A có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự - cấp tín dụng với ông B cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn - ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án như quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét, yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 17.976.068 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa có đủ cơ sở xác định ngày 16/6/2014 ông B có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140626-500000-0019 đề nghị Ngân hàng A cho ông vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 26/6/2014 Ngân hàng A có duyệt cho ông B vay 21.000.000 đồng (trong đó khoản vay tiêu dùng là 20.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 1.000.000 đồng), thời hạn vay 18 tháng, lãi suất vay 60%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông B vay số tiền 20.000.000 đồng.

Xét thấy, Việc thỏa thuận cho vay tiền giữa Ngân hàng A và ông B phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai số tiền Ngân hàng A đã giải ngân cho ông B vay là 20.000.000 đồng ông B đã thanh toán được 2.023.932 đồng, số tiền gốc ông B còn nợ là 17.976.068 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B, nhưng ông không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông B thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ 17.976.068 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đòi ông B thanh toán số tiền Ngân hàng cho ông B vay mua bảo hiểm là 1.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ.

Xét, việc rút yêu cầu của Ngân hàng A là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông B thanh toán số tiền cho vay mua bảo hiểm 1.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp dân sự tương ứng với yêu cầu của Ngân hàng A được Tòa án chấp nhận 17.976.068 đồng là 898.800 đồng.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 615.975 đồng theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007384 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A;

Buộc ông B phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc còn nợ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20140626-500000-0019 ngày 16/6/2014 là 17.976.068 (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông B thanh toán số tiền cho vay mua bảo hiểm là 1.000.000 (một triệu) đồng và số tiền lãi còn nợ.

3. Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp dân sự là 898.800 (tám trăm chín mươi tám ngàn tám trăm) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 615.975 (sáu trăm mười lăm ngàn chín trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007384 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thái Hằng